

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG

Số: 5374/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Giang, ngày 24 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước
trình Hội đồng nhân dân huyện năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 343/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách huyện Ninh Giang năm 2022 - trình Hội đồng nhân dân huyện Ninh Giang (Có biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện
- Như điều 3;
- Lưu V



Nguyễn Đình Tranh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	ƯTH năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (%) (1)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH	466.757	785.477,2	643.440	82
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	137.771	299.585,7	228.911	76
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	16.440	58.564,9	1.540	3
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	121.331	241.020,8	227.371	94
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	328.986	438.768,5	414.529	94
-	Thu bổ sung cân đối	315.753	406.531	352.379	87
-	Thu bổ sung có mục tiêu	13.233	32.237,5	62.150	193
III	Thu kết dư		108,5		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		47.014,5		
V	Thu qua ngân sách				
VI	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	466.757	785.269,5	643.440	138
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	466.757	785.269,5	643.440	138
1	Chi đầu tư phát triển	102.486	103.555,0	222.579	217
2	Chi thường xuyên	350.726	376.922,3	340.876	97
3	Dự phòng ngân sách	8.470		10.226	121
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			7.895	
5	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		225.634,1		
6	Chi bổ sung từ ngân sách trung ương	5.075		61.864	
7	Chi khác		13.923,3		
8	Chi chuyển nguồn		65.234,8		
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	-	-	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	ƯTH năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (%) (1)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	466.757	785.477,2	643.440	82
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	137.771	299.585,7	228.911	76
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	328.986	438.768,5	414.529	94
-	Thu bổ sung cân đối	315.753	406.531	352.379	87
-	Thu bổ sung có mục tiêu	13.233	32.238	62.150	193
3	Thu kết dư		108,5		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		47.014,5		
5	Thu qua ngân sách				
II	Chi ngân sách	466.757	785.269,5	643.440	138
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	466.757	494.400,6	643.440	138
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	-	225.634,1	-	
-	Chi bổ sung cân đối		95.380		
-	Chi bổ sung có mục tiêu		130.254,1		
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		65.234,8		
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	166.399,0	377.011,1	148.213,0	39,3
1	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	70.208,0	134.727,7	53.758,0	39,9
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	96.191,0	225.634,1	94.455,0	41,9
-	Thu bổ sung cân đối	96.191,0	95.380,0	94.455,0	99,0
-	Thu bổ sung có mục tiêu		130.254,1		-
3	Thu kết dư		9.181,6		-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		7.467,7		-
II	Chi ngân sách	166.399,0	377.011,1	148.213,0	39,3
1	Chi đầu tư phát triển	60.000,0	230.236,3	45.000,0	19,5
2	Chi thường xuyên	106.399,0	114.072,8	103.213,0	90,5
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		32.702,0		-
	Kết dư ngân sách		-		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	483.920,4	480.546,0	362.020	362.020	75	75
I	Thu nội địa	481.058,7	477.684,3	362.020	362.020	75	76
1	Thu từ khu vực DNN do Trung ương quản lý (chi tiết theo sắc thuế)	131,6	128,9	-	-		
2	Thu từ khu vực DNN do Huyện quản lý (chi tiết theo sắc thuế)	503,9	493,8	160	160	32	32
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chi tiết theo sắc thuế)	-	-	-	-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (chi tiết theo sắc thuế)	62.880,7	61.623,1	24.100	24.100	38	39
5	Thuế thu nhập cá nhân	10.235,2	10.030,5	4.200	4.200	41	42
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-		
7	Lệ phí trước bạ	24.157,9	24.157,9	17.000	17.000	70	70
8	Thu phí, lệ phí	1.874,9	1.519,6	1.500	1.500	80	99
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	814,5	814,5	810	810	99	99
11	Tiền cho thuê đất, cho thuê mặt nước	10.916,3	10.916,3	750	750	7	7
12	Thu tiền sử dụng đất	347.127,2	347.127,2	300.000	300.000	86	86
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (chi tiết theo sắc thuế)	-	-	-	-		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-		
16	Thu khác ngân sách	12.745,9	11.201,9	10.500	10.500	82	94
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	9.670,6	9.670,6	3.000	3.000	31	31
II	Thu viện trợ	-	-	-	-		
III	Các khoản huy động đóng góp	2.861,7	2.861,7				

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ngân sách huyện	Chia ra	
			NS cấp huyện	NS xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	791.653	643.440	148.213
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	729.789	581.576	148.213
I	Chi đầu tư phát triển	267.579	222.579	45.000,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	222.579	222.579	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	-		
-	Chi khoa học và công nghệ	45.000		45.000,0
	Trong đó chia theo nguồn vốn	45.000		45.000,0
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác	-		
II	Chi thường xuyên	442.100	340.876	101.224
	Trong đó:	-		
1	Chi giáo dục - đào tạo dạy nghề	295.671	295.301	370,0
2	Chi sự nghiệp y tế	743	373	370,0
3	Chi sự nghiệp kinh tế	3.648	1.939	1.709,3
4	Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT	3.571	2.367	1.204,0
5	Chi sự nghiệp truyền thanh	1.992	1.452	540,0
6	Chi đảm bảo xã hội	9.812	1.178	8.633,6
7	Chi an ninh	1.282	373	909,0
8	Chi quốc phòng	4.411	373	4.037,7
9	Chi quản lý hành chính	114.662	31.362	83.299,5
10	Chi sự nghiệp giao thông	3.585	3.585	
11	Chi sự nghiệp nông nghiệp	2.274	2.274	
12	Chi khác	450	299	151,0
III	Chi dự phòng ngân sách	12.215	10.226	1.989
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh lương	7.895	7.895	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	61.864	61.864	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)	-		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	61.864	61.864	
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	-		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	643.440
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	643.440
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	222.579
1	Chi đầu tư cho các dự án	
	Trong đó:	
1,1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1,2	Chi khoa học và công nghệ	
1,3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1,4	Chi văn hóa thông tin	
1,5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1,6	Chi thể dục thể thao	
1,7	Chi bảo vệ môi trường	
1,8	Chi các hoạt động kinh tế	
1,9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1,10	Chi giao thông	
1,11	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	340.876
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	295.301
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	373
4	Chi văn hóa thông tin	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.452
6	Chi thể dục thể thao	2.367
7	Chi bảo vệ môi trường	
8	Chi các hoạt động kinh tế	7.798
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	31.362
10	Chi bảo đảm xã hội	1.178
11	Chi an ninh	373
12	Chi quốc phòng	373
13	Chi khác ngân sách	299
III	Dự phòng ngân sách	10.226
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.895
V	Chi bổ sung có mục tiêu	61.864
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

UBND HUYỆN NINH GIANG

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CTMTQG)	CHI THƯỜNG XUYẾN (KHÔNG KÈ CTMTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐT PHÁT TRIỂN	CHI TX	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	643.440	222.579	420.861	-	-	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC	563.455	222.579	340.876	-	-	-	-	-	-
1	Quản lý hành chính	16.572		16.572			-			
2	Khối Đảng	9.221		9.221			-			
3	Khối Đoàn thể	4.304		4.304			-			
4	Các hội	1.265		1.265			-			
5	Sn giáo dục và đào tạo	295.301		295.301			-			
6	Sn văn hóa thể thao	2.367		2.367			-			
7	Sn phát thanh	1.452		1.452			-			
8	An ninh	373		373			-			
9	Quốc phòng	373		373			-			
10	Sn đảm bảo xã hội	1.178		1.178						
11	Các đơn vị khác	8.470		8.470						
II	CHI DỰ PHÒNG	10.226		10.226						
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	7.895					-			
IV	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	61.864					-			
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-					-			

CẤP LIỆN CHO TỈNH CƠ QUAN TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

